

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH TIỀN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 11/NQ-HĐND

Tiền Giang, ngày 29 tháng 4 năm 2025

NGHỊ QUYẾT

Thông qua Danh mục bổ sung, điều chỉnh công trình, dự án thực hiện năm 2025 phải chuyển mục đích sử dụng đất có diện tích đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng sản xuất trên địa bàn tỉnh Tiền Giang

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG
KHÓA X - KỲ HỌP THỨ 17**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 18 tháng 01 năm 2024;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 ngày 29 tháng 6 năm 2024;

Căn cứ Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị quyết số 46/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua Danh mục công trình, dự án thực hiện năm 2025 phải chuyển mục đích sử dụng đất có diện tích đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng sản xuất trên địa bàn tỉnh Tiền Giang;

Xét Tờ trình số 187/TTr-UBND ngày 20 tháng 4 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh về dự thảo Nghị quyết thông qua Danh mục bổ sung, điều chỉnh công trình, dự án thực hiện năm 2025 phải chuyển mục đích sử dụng đất có diện tích đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng sản xuất trên địa bàn tỉnh Tiền Giang và Công văn số 3047/UBND-KT ngày 28 tháng 4 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc giải trình ý kiến thẩm tra đối với các dự thảo Nghị quyết; Báo cáo thẩm tra số 148/BC-HĐND ngày 26 tháng 4 năm 2025 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Bổ sung, điều chỉnh Danh mục công trình, dự án thực hiện năm 2025 phải chuyển mục đích sử dụng đất có diện tích đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng sản xuất trên địa bàn tỉnh Tiền Giang ban hành kèm theo

kèm theo Nghị quyết số 46/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh, như sau:

1. Tổng số công trình, dự án thuộc nguồn vốn ngân sách trung ương, ngân sách tỉnh phải chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng sản xuất là 08 dự án với tổng diện tích đất là 202,98 ha, trong đó:

- Đất trồng lúa: 19,20 ha;
- Đất rừng sản xuất: 25,62 ha.

2. Tổng số công trình, dự án thuộc nguồn vốn ngân sách cấp huyện phải chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa là 04 dự án với tổng diện tích đất là 11,55 ha, trong đó: đất trồng lúa là 7,14 ha.

3. Tổng số công trình, dự án thuộc nguồn vốn ngoài ngân sách, đầu tư qua ngành phải chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa là 04 dự án với tổng diện tích đất là 206,69 ha, trong đó: đất trồng lúa là 15,21 ha.

(Đính kèm Phụ lục I, II)

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai, thực hiện Nghị quyết.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Tiền Giang Khóa X, Kỳ họp thứ 17 thông qua ngày 29 tháng 4 năm 2025 và có hiệu lực từ ngày thông qua./.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ: Nông nghiệp và Môi trường; Tài chính;
- Kiểm toán nhà nước Khu vực IX;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- UBMTTQVN tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- VP: ĐDBQH&HĐND tỉnh, UBND tỉnh;
- TT. HĐND, UBND các huyện, thành phố, thị xã;
- TT. HĐND các xã, phường, thị trấn;
- Trung tâm Tin học - Công báo tỉnh;
- Lưu: VT, CTHĐND (2b).

CHỦ TỊCH



Châu Thị Mỹ Phương

Phụ lục I

DANH MỤC BỔ SUNG, ĐIỀU CHỈNH DỰ ÁN THỰC HIỆN NĂM 2025 PHẢI CHUYỂN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG ĐẤT CÓ DIỆN TÍCH ĐẤT TRỒNG LÚA, ĐẤT RỪNG PHÒNG HỘ, ĐẤT RỪNG SẢN XUẤT TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH TIỀN GIANG (VỐN ĐẦU TƯ CÔNG)

(Kèm theo Nghị quyết số 11/NQ-HĐND ngày 29 tháng 4 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Tiền Giang)

STT	Tên dự án	Địa điểm thực hiện công trình, dự án (cấp xã)	Diện tích đất thực hiện dự án (ha)	Trong đó			Ghi chú
				Diện tích đất lúa cần chuyển mục đích (ha)	Diện tích đất rừng phòng hộ cần chuyển mục đích (ha)	Diện tích đất rừng sản xuất cần chuyển mục đích (ha)	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
A. NHÓM CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN SỬ DỤNG VỐN NGÂN SÁCH TỈNH, NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG PHÂN BỐ							
I. Thị xã Cai Lậy (Có 07 công trình, dự án)			36,14	8,85			
1	Đường huyện 58B (Võ Việt Tân nối dài)	Các phường, xã: 3, Mỹ Hạnh Trung, Tân Bình	9,93	0,60			
2	Đường Cao Đăng Chiếm nối dài	Các phường: 3, Nhị Mỹ	0,77	0,20			
3	Nâng cấp, mở rộng đường Ấp Bắc (đoạn từ cầu Trường Tín đến ĐH 53)	Các phường, xã: 4, Nhị Mỹ, Tân Hội	5,46	0,55			
4	Đường Lộ Dây Thép (đoạn thị xã Cai Lậy)	Các xã: Tân Hội, Tân Phú	7,56	2,54			
5	Nâng cấp, mở rộng ĐH.53 (đoạn đoạn từ Cầu Vĩ đến ĐH.59)	Các xã: Tân Hội, Mỹ Hạnh Đông	3,93	0,46			
6	Đường Bà Thừa - Xã Tân Bình	Các xã: Tân Bình, Bình Phú	4,60	4,10			
7	Nâng cấp, mở rộng ĐH.63	Xã Thanh Hòa	3,89	0,40			
II. Huyện Tân Phước (Có 01 công trình, dự án)			166,84	10,35		25,62	
1	Mở rộng Khu bảo tồn sinh thái Đồng Tháp Mười	Xã Thạnh Tân	166,84	10,35		25,62	



STT	Tên dự án	Địa điểm thực hiện công trình, dự án (cấp xã)	Diện tích đất thực hiện dự án (ha)	Trong đó			Ghi chú		
				Diện tích đất lúa cần chuyển mục đích (ha)	Diện tích đất rừng phòng hộ cần chuyển mục đích (ha)	Diện tích đất rừng sản xuất cần chuyển mục đích (ha)			
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)		
8	TỔNG		202,98	19,20		25,62			
B. NHÓM CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN SỬ DỤNG VỐN NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN									
I. Thành phố Gò Công (Có 01 công trình, dự án)			10,30	6,04					
1	Khu tái định cư Bình Đông	Xã Bình Đông	10,30	6,04			Nhà nước đầu tư		
II. Huyện Cai Lậy (Có 03 công trình, dự án)			1,25	1,10					
1	Đường nối vào trường Mầm non ấp 10, xã Mỹ Thành Nam	Xã Mỹ Thành Nam	0,20	0,20					
2	Trường Mầm non Bình Phú (chi bồi thường, hỗ trợ đất đai và các tài sản trên đất)	Thị trấn Bình Phú	0,50	0,40					
3	Trường Mầm non Phú Cường (chi bồi thường, hỗ trợ đất đai và các tài sản trên đất)	Xã Phú Cường	0,55	0,50					
4	TỔNG		11,55	7,14					
12	TỔNG CỘNG		214,53	26,34		25,62			



Phụ lục II

DANH MỤC BỔ SUNG DỰ ÁN THỰC HIỆN NĂM 2025 PHẢI CHUYỂN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG ĐẤT CÓ DIỆN TÍCH ĐẤT TRỒNG LÚA, ĐẤT RỪNG PHÒNG HỘ, ĐẤT RỪNG SẢN XUẤT TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH TIỀN GIANG (VỐN NGOÀI NGÂN SÁCH, ĐẦU TƯ QUA NGÀNH)

(Kèm theo Nghị quyết số 11/NQ-HĐND ngày 29 tháng 4 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Tiền Giang)

STT	Tên dự án	Địa điểm thực hiện công trình, dự án (cấp xã)	Diện tích đất thực hiện dự án (ha)	Trong đó			Ghi chú
				Diện tích đất lúa cần chuyển mục đích (ha)	Diện tích đất rừng phòng hộ cần chuyển mục đích (ha)	Diện tích đất rừng sản xuất cần chuyển mục đích (ha)	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
I. Thành phố Mỹ Tho (Có 01 công trình, dự án)			185,00	1,95			
1	Khu đô thị Đông Bắc, thành phố Mỹ Tho	Xã Đạo Thạnh	185,00	1,95			có trong NQ số 44/NQ-HĐND ngày 09/12/2024 của HĐND tỉnh
II. Thành phố Gò Công (Có 01 công trình, dự án)			12,03	8,00			
1	Công viên nghĩa trang nhân dân thành phố Gò Công	Xã Tân Trung	12,03	8,00			có trong NQ số 44/NQ-HĐND ngày 09/12/2024 của HĐND tỉnh
III. Huyện Châu Thành (Có 01 công trình, dự án)			0,04	0,04			
1	Trạm cấp nước Tân Phong (Công ty TNHH Thuận Phú thuê đất của bà Trần Thị Ngọc Thanh)	Thị trấn Tân Hiệp	0,04	0,04			
IV. Huyện Tân Phú Đông (Có 01 công trình, dự án)			9,62	5,22			
1	Dự án Khu dân cư Phú Thạnh	Xã Phú Thạnh	9,62	5,22			có trong NQ số 44/NQ-HĐND ngày 09/12/2024 của HĐND tỉnh
4	TỔNG CỘNG		206,69	15,21			